

P. L. 2507

Năm thứ 6 - Số 65

刊月音圓

VIÊN - ÂM



VIÊN - ÂM NGUYỆT - SAN
ANNAM PHẬT-HOC HỘI PHÁT HÀNH

1943

IN TẠI NHÀ IN ĐUỐC TUỆ

73, Rue Richoud, 73

HANOI

GIÁ 0\$25

Nam-mô Bồn-sư Thích-Ca

Mâu-Ni Phật

Tác đại chứng-minh

VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN

Tạp-chi chuyên-chủ về đạo Phật do Annam Phật-học hội (S. E. E. R. B. A.) xuất bản

Chủ nhiệm ; Hội-trưởng hội Annam Phật-học

S. E. ƯNG-BÀNG

Chủ bút : Giáo-ly kiểm-duyet :

Ông LÊ-ĐÌNH-THẨM

Thơ-lừ bài-vở, xin gửi cho :

Annam Phật-học hội Tổng-trị-sư

Boite postale N. 73 Huế :

Ngân-phiếu trả tiền-báo xin đề tên :

Ông Phạm-văn-Vi Phanrang

Giá báo : 12 số — 2\$50 ; — mỗi số — 0\$25

Hội-viên hội Annam Phật-học muốn hưởng 25%/, xin do các Hội-trưởng tỉnh hội gửi mua.

Các ngài muốn khảo-cứu triết-ly của đạo Phật.

Các ngài muốn biết rõ tâm-lánh của mình.

Các ngài muốn biết con đường tu-hành cho đến chỗ hoàn-toàn.

Hãy luôn luôn đọc :

Viên-âm Nguyệt-san

THẬP-NHI NHÂN-DUYỆN

Chết là một vấn-đề có lẽ hiện giờ ai nghĩ đến, vì lúc này sự sống quá chật-vật, phiếm-loại là nghĩ để sống chưa xong, còn trí dân mà nghĩ đến chết. Song những lúc thấy cái áo quan đỏ như máu tươi khiêng thoáng qua, những lúc nghe nói đến chết, những lúc nằm thoi-thơ trên giường bệnh, chắc cũng không khỏi vẫn-vơ nghĩ đến cái lúc « cuối cùng » ; lại khi còn ham-mê theo vật-dục, còn có thể quên hẳn « chết » đi, nhưng đến khi lòng hơi người lạnh, khi tuổi xanh đã héo lặn, người ta cũng khó hờ hững với cái lúc « phải từ-giã cõi trần » ấy.

Nghĩ đến cái chết, người ta hay tưởng đến một đời sống khác tiếp-tục với đời sống này, hoặc sống như ma, sống với linh-hồn, hay sống về một thế-giới khác. Sự mơ-trở của ta càng ly-kỳ bao nhiêu, các cảnh sau lúc chết càng phức-tạp bấy nhiêu.

Có người quá nghi sự suy nghĩ của mình, và cho rằng chết là hết, còn các suy-đoán đều là ảo-vọng ; nhưng họ cố thể chắc như thể chẳng khi họ nhận thấy sự sự v ật vật quanh họ, đều không mất hẳn, chỉ có biến-hóa mà thôi.

Từ xưa cũng có nhiều bậc hiền-triết từng suy nghĩ đến cái chết, nhưng có ngài không suy-trắc sau khi chết sẽ ra thế nào mà lại ngâm-nghĩ đến lý-do vì sao mà có sự chết. Người thường vì ưa sống quá, cho nên hoặ sợ mất đời sống mà lo cái chết đến, như anh keo lo mất của, hoặc có trí hơn thì cũng chỉ biết to trừ-tình đến cái sống về sau. Còn các vị hiền-triết kia tâm đã thanh-tĩnh, trí đã sáng-suốt, đối với cái bí-mật của sự chết vẫn lấy làm lạ mà không sợ, không lo. Các ngài bình-tâm suy nghĩ không ức-dạ đến kết quả sau khi chết, chỉ

muốn tìm một lời giải chắc-chắn hơn. là tìm đến nguyên do của cái chết, như một bác-sĩ suy xét nguyên do của một hiện-tượng, một bệnh tình.

Nhiều ngài đã nhận được rằng sự sự vật vật hết thảy đều do nhân-duyên-sanh, cho nên sự gì vật gì cũng như huyễn như hóa, vì nhân - duyên hội hiệp mà in tuồng có, chứ nếu không có sự hội-hiệp các duyên thì không có một sự gì vật gì thành-lập được.

Một cái rừng là do nhiều cây hiệp thành, một cây là do cội-rễ, nhánh lá hợp thành, cội rễ nhánh lá là do nhiều hộ-trùng hợp thành, hộ-trùng là do nhiều chất hợp thành, chất là do các nguyên-l tử (atome) hợp thành, nguyên-l tử là do nhiều điện-l tử hợp thành, và nếu người ta còn chế ra các cách xét nghiệm tinh-vi, lất còn thấy nhiều cái hợp thành điện-l tử nữa và cứ như thế mãi mãi.

Nhưng một vật đã do nhân-duyên hội-hiệp mà thành, thì nó chỉ có tên mà không có thiệt. Rừng có thiệt - thể đâu, nó chỉ là một cái tên, đặt ra để chỉ một nhóm cây thôi; cây có thiệt-thể đâu, nó chỉ là một cái tên của một nhóm cội-rễ nhánh lá cấn hợp v. v. . . .

Cho đến các vật vô-hình như điện, như gió, như sự đau, sự khổ cũng thế. Điện là một nhóm công-năng đã nhận biết trong những trường-hợp đặc-biệt; gió là do sự chuyển di của không-khí, sự rung-động của các vật; đau khổ cũng chỉ do sự cảm-giác nhờ nghĩ phân-biệt so-sánh của minh mà có v. v. . . .

Theo đây mà suy xét cùng-tột sự vật, không có gì là không do nhân-duyên hội-hiệp mà phát sanh.

The thì cái chết, cái sống cũng không có thể ra ngoài luật đó. Nhiều vị nhận được lý nhân-duyên ấy đã nhiều thấu nguồn gốc của sự sống chết và cũng

đã vật biết những nhân-duyên kết thành sự sống chết ; các vị ấy là Đốc-giác hay là Bích-chi-Phật. Nhưng chỉ có Phật-giáo mới chỉ-giải đầy-dủ các nhân-duyên ấy và các phép tu màu - nhiệm để thoát ly khỏi vòng sanh-l tử.

Theo Phật-giáo, nhân-duyên gây ra sự sống chết có 12 :

1) Vô-minh, 2) Hành, 3) Thức, 4) Danh-sắc, 5) Lục-nhập, 6) Xúc, 7) Thọ. 8) Ái. 9) Thủ, 10) Hữu 11) Sanh, 12) Lão-l tử.

Lão-l tử cũng kể thành một duyên, vì nếu không có lão-l tử thì cái đời sống của chúng-sanh cũng không thành. Đây nêu hiểu rõ chữ nhân-duyên trong đạo Phật, nhân-duyên nghĩa là quan-hệ, cái này quan-hệ với cái kia, cái này có, cái kia mới có, cái kia có, cái này mới có, nếu cái kia mất cái này không còn, cái này mất cái kia cũng mất : như cái bàn gỗ là quan-hệ với gỗ, với nhân-công v. v. . . . Nếu không có gỗ ấy và nhân-công ấy thì không có bàn ấy, nếu bàn ấy mất thì nhân-công và gỗ cũng không còn đâu-vết.

Vậy do mười một duyên trên mà có lão-l tử ; nhưng có lão-l tử mới thành có mười một duyên kia. Mười hai duyên ấy xoay-vần thành-tự cho nhau.

Nhân-duyên đã là quan-hệ thì nó có thể quan-hệ về không-gian, có thể quan-hệ về thời-gian. Quan-hệ về không-gian là ảnh-hưởng cùng khắp, trong một khoảng khắc không tính được, quan-hệ về thời-gian là ảnh-hưởng đến về sau, liên tiếp mãi, không bao giờ mất.

Chữ nhân-duyên đã rõ, nay xét về sự quan-hệ liên-lạc giữa 12 nhân-duyên ấy :

1) Lão-l tử. — 2) Sanh. — Vì sao có già chết ? — Già là tiêu-hao mòn-mỏi về tinh-thần lẫn vật-chất.

Về tinh-thần thì trí nhớ giảm bớt, sức suy nghĩ kém, lười, các tri-giác cũng giảm, cho đến cảm-giác cũng không được tinh-vi nữa. Về thể-chất thì thoái-thè tiêu-hao, răng rụng, mắt lòa, gân thịt mòn-mỏi yếu lười. Cứ tiêu-hao như thế cho đến lúc linh-thần thân-thể đều không hoạt-động nữa, lúc là chết. Nhưng cái gì đã chết, chính cái sức hoạt-động của thân ấy, cái sống ấy đã hao đi, đã diệt đi vậy. Như cây đèn mờ rồi tắt, cái đèn lu mờ tức là cái sáng lu-mờ vậy, cái tắt ấy là do sự mất sáng vậy, xem thế thì biết có lão-tử là vì có sanh.

3) **Hữu.** — Cái sanh ấy vì sao mà có? — Vì nhận có tinh-thần thân-thể hoạt-động, khác với lúc chưa sanh. Sanh là « hoạt-động của tinh-thần thân-thể? đối với hoàn-cảnh. Nếu biết cảnh không thiệt, thân tâm không thiệt thì còn gì đáng gọi là hoạt-động, là sanh nữa.

4) **Thủ.** — Vì sao nhận có thân tâm hoạt động? Vì chấp-trước gìn giữ. Tâm ta không phải là một cái chắc cứng, nó chuyển biến thay-đổi luôn, khi giận, khi buồn, khi vui khi khổ, khi suy nghĩ, khi không, nếu trước đã không giống sau thì nào có gì đáng gọi là tâm ta; khi ta nhận đến nó, nó đã đổi khác rồi; cho đến thân, đến cảnh ở ngoài cũng vậy, nó thay đổi mãi như cái bóng huyễn, thế mà vì ta lại cứ chấp là có thiệt, quyết nhớ giữ chấp nối cho thành một tự-thể, nên nó mới hóa có.

5) **Ái.** — Vì sao có sự chấp-trước ấy? — Vì ta ưa, ta nên mới chấp giữ, nếu không ưa thì còn nắm giữ làm chi? Không ưa thì tâm, thân, cảnh, có chuyển biến, liền nhận biết được là nó vốn chuyển biến, không có cái gì nhất định, như ảo-ảnh; đã như ảo-ảnh thì việc gì mà ưa nữa.

Ngày xưa có một người được một bức tranh mỹ-nữ rất đẹp, anh thích quá, anh đem treo trong

phòng, cả ngày ngủ nghỉ mê mệt, tối lại còn mơ-móng liên-miễn. Lần ước mong sao có được người vợ như thế, và cầu thần phù-tộ cho người trong tranh hóa thành người thật. Đến sau bệnh tương-tư đã nặng, đến nỗi đến bữa cơm anh dọn bàn trước bóng mỹ-nhân mới ăn uống như đối với người thật. Một hôm anh thấy Mỹ-nữ trong tranh cử-động, đi lời anh và tự-linh cùng anh ; anh sung sướng quá và từ đây sống với người yêu. cho đến lúc một đạo-sĩ thức tỉnh anh dậy. Mỹ-nữ có thiệt hay không, đương khi mê-dắm cũng khó biết rõ.

Những nhà điên ngày nay đã chữa biết bao người như thế, khoa-học về bệnh thần kinh (psychologique pathologique) đã chung nhận biết bao người đang sống riêng trong cảnh bình ước ao.

Các hiện-tượng ấy chứng-thực là nếu có ưa đắm thì có chấp-tước, ó chấp-trước, thì mới hóa ra có.

Xem các người điên, ta cũng nên ngờ đôi chút cái cảnh ta cho ta hiện-thiệt nhất-định có của ta hiện nay.

6) Thọ. — Vì sao có ưa ? vì có nhận-lãnh (thọ), có nhận-lãnh mới thích, mới ưa.

7) Xúc. -- Có thọ vì có tiếp-xúc với vật khác.

Lục-nhập. — Có tiếp-xúc là nhờ có những cơ quan để nhận-lãnh.

Ái, thọ, xúc tức là sự hoạt-động của tâm vậy, còn lục-nhập là thân người với 6 quan là : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Nhân mắt chạm sắc, tai chạm tiếng, mũi chạm mùi, lưỡi chạm vị, thân chạm các cảm-xúc, ý giao-tiếp với sự vật mà thành có sự ghét cái kia, ưa cái này, cái gì ghét thì muốn xua ra, xó-đầy đi cho mau ; cái gì ưa thì giữ chặt lấy ; nhưng sự sự vật vật, đều duyên sanh, đều chuyển-biến, thì làm thế nào mà giữ ? ưa quá muốn giữ ta phải ghé vào trí nhớ, chấp nối bóng quá-khứ với bóng

hiện-lại, tạo ra những huyền-lương làm cho nó hóa thành thiết có, mặc dầu sự thiết-biến, cho đến lúc nó tiêu-hữu không chấp nối được nữa mới chịu nhận là không vậy.

9) Danh-sắc. — Vì sao có lục-nhập? — Vì chia ra có một bên tâm, một bên cảnh, tâm vô-hình thì gọi là « danh » cảnh hữu-hình thì gọi là « sắc ». Nếu không chia một bên tâm là năng-duyên, một bên cảnh là sở-duyên thì tâm với cảnh vẫn đồng một thể, không đối với nhau, làm gì mà có lục-nhập?

10) Thức — Vì sao lại chia ra có tâm có cảnh? Vì phân biệt. Phân biệt tức là thức; do thức phân biệt chia chẻ ra phần năng-tri là tâm, phần sở-tri là cảnh, năng-tri là mình, sở-tri là vật, nhân đó mới có tâm có cảnh đối với nhau, mà thành ra có lục-nhập, có xúc, có thọ v. v. . .

Xét cho kỹ thì năng và sở không thể rời nhau, ngoài năng không có gì đáng gọi là sở, ngoài sở không có gì đáng gọi là năng, trong năng vẫn có sở, trong sở vẫn có năng, năng và sở vẫn đồng một thể không lúc nào rời nhau, chỉ vì có cái thức phân-biệt, nên mới hóa thành in tưởng hai mặt tương-đối mà thôi.

11) Hành. — Nhưng vì sao lại có thức phân-biệt? Chỉ vì tâm có vọng-động nghĩa là động-niệm một cách sai-lẫn, chia-rẽ những cái không thể chia-rẽ, tạo thành những hành-tướng giả-đối không thiết. Tâm vọng-động thì gọi là hành.

12) Vô-minh. — Vì sao có vọng-động? — Vì không rõ lý-tánh duyên-sann. Theo lý-tánh duyên-sanh thời tâm cũng duyên-sanh, cảnh cũng duyên-sanh, tâm là một duyên tạo thành cảnh, cảnh là một duyên tạo thành tâm, tâm tức là cảnh, cảnh tức là tâm, không hai không khác. Lại tâm với cảnh, đã là nhân-duyên-sanh, thì cảnh tâm cũng chỉ là giả-danh, đều

không phải thiệt có, làm đã không thật có, cảnh đã không thiệt có, thì trong không có mình, ngoài không có vật, còn cái gì đối với cái gì mà có lục-nhập, có xúc, có thọ, hưởng nữa là có ái, có thủ, có hữu.

Xem vậy thì biết chỉ vì không rõ lý-tánh duyên sanh, nên mới hóa ra nhiều chuyện hóa ra có mình, có vật, có sống, có chết không rõ lý-tánh ấy tức là vô-minh. Vậy vô-minh là gốc-gốc của các phần-biệt hư-vọng, của các phiền-não chấp-trước gây lên cái khổ già đau, sống, chết. Nếu trừ được vô-minh tức thoát khỏi sanh-lử.

Vì sao ?

Vì nếu không vô-minh thì sẽ biết nhân-duyên mà có thức, có danh-sắc, có lục-nhập, có xúc, có thọ, có ái, có thủ, có hữu, có sanh, có lão-lử. Phải là nhân-duyên thì có gì là thiệt có đâu ? Vật gì do duyên-sanh đều là giả danh, là như huyền, như cái rừng đã nói trên kia ; đã không có thiệt thì cái sống cũng không thiệt có, cái già cũng không thiệt có, cái chết cũng không thiệt có, là lẽ tất nhiên.

Nưng vì sao biết rằng hiện có vô-minh ?

Chúng ta hiện có ái, có thủ, có hữu v. v. . . chính cái niệm ấy chỉ rõ cái vô-minh hiện còn nơi chúng ta ; vì nếu thiệt không còn vô-minh, nghĩa là ngộ duyên-sanh như huyền, thì còn việc gì phải chấp-trước, phải ưa nữa. Vậy chỉ bao giờ hết các sự chấp-trước : sự tham luyến mới tuyệt dứt hẳn vô-minh, cắt đứt gốc luân-hồi, thoát hẳn sự lão-lử.

Nếu còn chấp-trước, còn ưa, thì tức còn vô-minh, như thế về sau vẫn chịu già, chết vô lợi làm duyên cũ kiếp sau, cứ thế mãi không thôi !

Đó là sự quan-hệ vô-thời-gian vậy.

Về sự quan-hệ ấy xem bài-đề sau này thôi rồi !

Nhân : { Vô-minh.
Hành

Quả : Sanh, Lão-tử

Thực, Danh-sắc, Lục-nhập, Xúc, Thọ

Vô-minh

Hành

Vô-minh

Nhân :

Quả : Sanh, Lão-tử

Thực, Danh-sắc, Lục-nhập, Xúc, Thọ

Vô-minh

Hành

Vô-minh

Nhân :

Quả : Sanh, Lão-tử

Thực, Danh-sắc, Lục-nhập, Xúc, Thọ

Vô-minh

Hành

Xem thế thì biết hiện nay ta có sự **phân biệt** hiểu biết, tri-thức nhận xét, cho đến có thể **trình cảm**, cảm-giác cũng là vì cái nhân « vô minh và hành » quá khứ; và « ái, thủ, hữu » hiện nay lại sẽ làm cái nhân sanh-lữ cho đời sau, cứ thế tiếp-tục chạy vòng quanh, như nước bốc thành hơi, hơi đọng thành nước, nước lại bốc thành hơi.

Nhưng nếu thiếu nhân-duyên thì nước không thể thành hơi được, cũng vậy nếu thiếu nhân-duyên sự **lão-lữ** cũng không thành có được. Như chúng ta đã biết nhân-duyên của sanh-lữ là sự **manh-lâm sai-lầm**, sự **hành-động sai-lầm**, thì dứt được hai nhân duyên **hệ-trọng** ấy tức là cắt đứt đường vòng-quanh, thoát được sanh-lữ luân-hồi.

Vậy muốn thiết trừ gốc vô-minh phải tu đề **đoan**, tuyệt ái, thủ, trừ cái tâm ưa, cái tâm xan-tham, phải tu quán nhân-duyên, rồi bỏ các sự say-mê ngủ mê ở xưa nay, đó là phương-pháp triết-đề để trừ vô minh, để đoạn sanh tử. Muốn cho thiết hành được mạnh mẽ sự đoạn-trừ ấy, trước cần xét thấy rõ-ràng lý nhân-duyên.

Muốn rõ chắc lý nhân duyên phải lập quán. Hoặc đối với sự sự vật vật lúc nào cũng chia cắt để quán sát, hoặc ngồi tịnh-tọa để tham-thuyên để thiết chứng trong là thân-tâm, ngoài là cảnh vật đều do nhân-duyên hội-hiệp mà thành, chỉ có giữ-danh không có thiết-thê. Đối với sự vật mà quán thì như gặp lửa, ta nhận xét đây chỉ là tí đá đất chông chát, trên rổ cây cối. Sóng, chỉ là nhiều giọt nước kết hợp lưu-chuyển. Sao, chỉ là các chất khoáng, kim, khí, hơi v.v. kết thành. Vũ-trụ chỉ là một khoảng không gian vô số sao. Nhà, chỉ là ngôi gạch, gỗ vôi. Xét cho cùng không có gì là không do nhân-duyên sanh. Cho đến cái đám đông người tụ lại đàng xa, nom xa

tuồng là một con vật kỳ quái đang vận động kêu ở
đó kia cũng do nhân-duyên một cuộc đấu đá giữa hai
người mà có.

Cho đến một quốc-gia thanh suy ; một thế-giới
lao rã cũng do nhân-duyên.

Cho đến cái lý thập-nhi nhân-duyên này cũng do
nhân-duyên có sự chết, sống, có tri thức, có người
mới có.

Xét như vậy thời thấy rõ sự sự vật vật đều do
nhân-duyên hội hiệp mà in tuồng có sanh ; đã duyên
sanh thì thiết ra không có cái gì sanh, thì cũng
không có cái gì diệt.

Lại xét thân tâm của ta có gì là thiết có đâu,
chỉ là một giòng tâm niệm lưu chuyển. Những tư-
tuồng ta có hiện nay là do các đều đã học hỏi suy
nghĩ từ xưa chất chứa lại. Cái ta lúc 5 tuổi phải là
một mớ cảm-giác và tư-tuồng. Rồi cái nhóm ấy thay
đổi thêm bớt tuy in tuồng còn hình-dáng cũ mà thật
ra đã khác hẳn xưa. Mà chính hiện nay tâm-niệm,
tư-tuồng ta cũng vẫn đang thay đổi mãi

Cái xác-thân ta lại càng thay đổi rõ ràng hơn
nữa. Chẳng nói chi nhỏ khác, lớn khác, già khác,
ngay như ngày nay ta đã đưa ra khỏi thân-biết bao
vật, và đã nhận vào biết bao vật khác, và bây giờ
chúng ta cũng đang nhận vào biết bao chất hơi,
biết bao vi-trùng tế-nhi, và cũng xi ra ngoài biết bao
thứ như thế.

Tinh-thần và vật-chất đều duyên-sanh như huyễn,
thì cái ta nào có thiết, vật gì nào có thiết, vậy thì có
cái gì thiết sống, cái gì thiết chết !

Không có gì là thiết thì không động niệm, không
phân-biệt tán-cảnh lục-nhập tiên, nguồn gốc vạn
không năm giữ, không vấn vít vào một cái ảo-ảnh

gì nữa. đã không vắn-vít với các huyện-ảnh từ không sanh-diệt với huyện-ảnh, tức được thường còn là lẽ tất nhiên. Đó là quả-vị tu chứng của các bậc Duyên Giác đã tu « Nhân-duyên-quán ».

Muốn tham-thuỳền để thiết chứng lý nhân-duyên thì hãy theo phép sau này của vị đại-đức Ấn-đô Na ada đã dạy :

Muốn chứng quả Nhân-duyên-quán thì tham-thuỳền quán-sai thân cảnh đều do duyên-sanh, quán các vật do duyên sanh đến sanh diệt, vì thế trừ ai, trủ, bao giờ ý không còn ưa ghét, chấp thủ nữa tức được chứng chắc cái vni của cảnh Niết-hàn không sanh tử. Tham thuỳền can theo 4 tầng :

I. — Quán sát về cái « ta »

Người tham-thuỳền luyện cho trí minh mẫn để thiết nhận hiểu tánh-cách hiện thiết của sự vật. Rồi định-tâm lại mà quan-sát. Quan-sát cho sâu-xa sẽ nhận được cái bản-ngã, cái « ta » chỉ là do nhân-duyên của tâm-thức và vật chất cấu-liênh. Tâm-thức là những tâm-niệm do lục-nhập duyên với sắc-trần mà có, vật chất là những động-lực (forces) và tánh-cách (qualités) biến-hiện ra trong muôn vạn hiện-trạng.

II. — Nguyên do cái ta

Đã nhận đúng được thể-chất của cái « ta » rồi, đã thoát khỏi những quan-niệm sai-lầm về linh-thần và về vật-chất rồi, người tham-thuỳền bắt đầu nghiên-cứu về nhân-duyên cái « ta » và hiểu rằng tất cả sự vật trong đời, gồm cả mình nữa, đều là những giả-hợp do nhiều duyên trước và hiện nay hòa-hiệp mà thành, mà cái đời sống này mà có cũng chỉ do các duyên vô-minh quá-khứ sự dục-vọng vô-biên, sự chấp-trước, các nghiệp và sự ăn uống ngày nay. Đây là phép tham-thuỳền dạy cho người chưa biết

thập-nhị-nhân-duyên, nếu người đã biết thập-nhị-nhân-duyên thì quá đủ 12 duyên). Do các duyên ấy, cái có thể nhóm dần lên, các động-tác trước đã duyên thành quả hiện-tại; các duyên hiện-tại lại ảnh-hưởng đến quả vị-lai. Quán-sát như vậy thì tin chắc rằng các vật do duyên sanh đều biến-dịch, luôn luôn vô-thường (anica) khổ (Dukkha) và không có tự-thể chắc thiết (anatta). Đâu đâu cũng thấy hiển-hiện rõ-ràng ba tánh cách ấy: sẽ hiểu rằng đời sống là một giòng biến-chuyển mãi mãi không thể chia đoạn ra được, dầu ở trên trời, dầu ở dưới đất, không đâu có sự hạnh phúc tuyệt-đối, vì các sự vui là có theo theo sự buồn, cái gì đã vô-thường đều áp-ù mầm của đau thương.

Chuyên tâm tham-thiền, một ngày kia, mình tự thấy có một vòng hào-quang (aura) quanh người, hoặc các tướng-cảnh khác. Người được sự lạ ấy lấy làm vui thích, được một hạnh-phúc, một sự an lành chưa từng có. Bấy giờ càng thêm chăm chỉ tu-tập bền-bĩ, sự định-lực tăng, trí-huệ mở-màng; hôn-hi-giả uởng đã được giác-ngộ rồi, nhất là vì thấy có « hào-quang » nhân đó có ý tham-luyện cảnh-giới ấy. Nhưng không bao lâu sẽ nhận thấy các tâm-niên ấy đã chướng-ngại cho trí-huệ, và-diện biết các tướng-sảnhi ấy đã thấy cũng như duyên, như hóa, không có thiệt-thể, và chẳng chớp thảng-cảnh ấy là cảnh giác-ngộ, lúc ấy bắt đầu biết rõ đường chánh dương ta.

III. Sự sanh diệt của các hiện tượng

Tìm được đường chánh rồi, mới suy nghĩ đến sự sanh diệt của các sự vật « do duyên-sanh ». Trong hai hiện tượng ấy, sự diệt in sau vào trí người tham-thiền, sự diệt bao giờ cũng rõ-rệt hơn sự sanh.

Như thế họ quán sát sự diệt của sự vật. Họ thấy rằng tinh-thần và vật-chất tạo ra có thể thay-đổi, sanh diệt luôn luôn, không trước không sau không còn giống nhau, Họ thấy sự thay đổi ấy đáng sợ như người ta sợ lúc đứng chân trên bãi cát lung lay. Cõi thế bấy giờ hiện ra như một hầm lửa, một nguồn phát sanh ra muôn sự niêm-nguy. Họ ngẫm-nghĩ đến cái tình-trạng khốn-nạn sự vô-nghĩa của cõi đời ó-trước và đáng sợ, vì thế sanh ra ghét đời vô-thường, muốn tìm được cõi sống thường hơn.

IV. Thoát-ly (Détachement)

Muốn được tới cõi vô-lậu giới ấy, hành-giả lại tham-thuỳên đến ba tánni-cách của đời sống « vô-thường, khổ, vô-ngã » và bầy giờ đối với các sự vật do-duyên-sanh đều không hề có ý chấp-thủ, cũng không có ý ghét. Tới lúc trí đã được tỉnh-độ ấy, thời cứ lấy ba tánni-cách của các vật duyên-sanh làm thoai-dầu, để mà ngẫm-nghĩ mãi cho đến lúc sự nhận thấy hết sức sâu-sắc rõ rệt, cho đến lúc được sự vui không tả được là lúc chứng trước được sự khinh an vô cùng của Niết bàn.

Phương-pháp tham-thuỳên (Ngồi đúng phép tham-thuỳên.)

- 1) Ngồi bán-giá lưng thẳng, mắt hơi nhắm.
- 2) Đọc kệ tam-tự qui.
- 3) Thở dài độ 10 lần, thở ngắn 10 lần, thở thường lại.
- 4) Trí không nghĩ gì.

I. Tham-thuỳên về cái « ta »

(Xét về cái « ta ».)

- 1) Sự bảo thãm rằng ta chỉ là tinh-thần và

nhật-chất kết-hợp.

2) Tinh-thần chỉ là những luồng tam-niệm phức tạp hội-hiệp, tiếp-tục biến-dịch, lưu-chuyển gây ra bởi các giác-quan.

3) Thế-hố chỉ do nhiều thứ chất cấu-thành.

II Nhân-duyên sanh ra ta

A. — Các vật và cả mình nữa đều do nhân-duyên hội-hiệp mà thành, cái ta sở dĩ có vì :

1) Vô-nhinh ; vì mẹ làm mới có vọng-tưởng dục-vọng.

2) Dục-vọng muốn sống.

3) Sự triu mến chấp-trước về đời, về các vật hoặc công việc.

4) Vì nghiệp (kết-quả của các hành-vi tư-tướng quá-khứ).

5) Vì các hành-vi cùng các tập-khí hiện-tại.

Cái ta của mình chỉ là do 5 nhân-duyên ấy hội-hiệp (Ngài Narada bày ra pháp tham-thuyên này cốt để cho kẻ sơ-cơ, nên chỉ nói thế, người đã hiểu lý nhân-duyên rõ thì phần này nên tham-thuyên theo 12 nhân-duyên cho đầy-đủ)

B. — Những điều tôi nghĩ bây giờ.

Những điều tôi nói bây giờ,

Những hành-vi của tôi bây-giờ,

Sẽ làm nhân-duyên về sau cho đời tôi

C. — Các vật do duyên-sanh đều :

1) Vô thường.

2) Khổ (vì không có được hạnh-phúc thường còn và tuyệt-đối).

3) Không có gì có tự-thể

Vậy đời sống chỉ là một giòng luân-chuyển mãi.

III. Cảnh hiện và diệt

A. — Lúc tham-thuỳên đã chuyên-chủ thì nhận thấy ca-thê của mình thay đổi mãi mãi.

Tư nói :

Các vật duyên sanh đều lan rã.

Đời sống có tính-sắc là biến-dịch như bãi bể cồn dâu.

Vô-nghĩa, vô-ích, đầy bẫy cam và khổ đau.

B. — Nhờ thế mà không trau-miền cuộc đời hữu sắc (trừ ái, thù), và chắc chắn ưa thoát sự dè-nén của quan-niệm sai lầm có một bản-ngã (trừ hữu).

IV. Thoát-ly (détachement)

A. — Đã được vô-tâm đối với sự vật.

Muốn được thoát-ly lại tham-thuỳên về các đề :

1) Vô-thường, 2) Khổ, 3) Cái « ngã » cũng vô-thường, cho nên đối với các vật duyên-sanh đều không tham-luỳên cũng không ghét

B. — Lựa đề nào mình mà tham-thuỳên trước. Nếu như lựa đề vô-thường thì suy nghĩ thế này :

Nói : Cái này (vật gì) là vô-thường. Cái kia (vật gì) là vô-thường. Nơi tới đều vô-thường. Tất cả mọi sự vật xung quanh tới đều vô-thường.

Hãy hết sức nhìn nhận sự vô-thường ấy cho được sâu sắc chắc chắn, rồi sẽ được sự vô-rước ; nhờ nhận xét một cách vô-tư như kia ta được an-lĩnh và như thế là ta đã hưởng trước được sự vui của Niết-ban rồi vậy).

Xong trở ra định, thở thường, thở ngắn, thở dài (10 cái).

Đọc lại « tam-tự-qui », rồi ra khỏi định hẳn.

Xem thế quán về lý thập nhị nhân-duyên sẽ phá được sự mê-làm không rõ lý nhân-duyên. Tham-thuyền đề chứng thiệt về sự vật duyên-sanh giả-dối không thiệt và được tâm an-vui, không cuốn vào huyện-vật, huyện-cảnh do duyên-sanh. Nếu lúc nào cũng trực-nhận được luôn tất cả sự vật đều duyên-sanh như huyện, như hóa, dầu tác-ý hay không tác-ý cũng được như thế, không hề thấy một sự gì vật gì thiệt lớn tại, thì chứng được vô-dư Niết-vân.

Phật đã nhân nơi sự vật hiện-tại mà chỉ cho ta suy-đoán biết cái lánh cách thiệt-thiệt của sự sống chết ; vậy tưởng ta nên theo lý ấy mà quán-sát để cho thấu rõ đúng-đắn, khỏi phải sai-lạc vào các ảo-tưởng hảo-huyền, và nếu có thể tập tham-thuyền, thì tập để tự chứng được cái vui của sự không phân-biệt tham-trước và biết chắc rằng sống chết đều theo thông-thường chỉ là những giả-danh hoặc giả-ảnh, chứ « cái sống thiệt, sống giải-thoát » không hề có sanh-diệt như ta tưởng.

NHƠN-DUYÊN



NHÂN-QUẢ

« Tất cả chúng-sanh từ vô-thỉ đến giờ, vì không hiểu chân-lý của nhân-sanh, vũ-tru mà hành-vi sai lầm, do đó phải vào sanh ra tử vô-lượng kiếp, mãi đến ngày nay mà chưa giải-thoát », ấy là một câu trong kinh luận đạo Phật thường dạy.

Câu ấy đã chỉ rõ nguyên-nhân của đời khổ chúng-sanh. Chúng-sanh khổ vì hành-vi sai lầm, hành-vi sai lầm vì chúng-sanh không rõ chân-lý.

Song chân-lý là thế nào ? — Chân-lý là lý-tánh chân-thật của nhân-sanh vũ-tru, bất-lai vẫn vậy, không hạn-cuộc với không-gian, không biến-thiên với thời-gian, không phải do các vị thánh-hiền sáng-lập mà có, cũng chẳng vì chúng ta mê muội không nhận thấy mà tiêu-diệt.

Chân-lý ấy thường hiển-hiện giữa muôn sự muôn vật, phổ-diệu nơi tai nghe mắt thấy, chờ không dấu xa lạ, chỉ cần phải trực-nhận cho được mà thôi. Chính chân-lý ấy làm tiêu-biểu để phán-đoán mê ngộ, lành dữ ; không nhận chân lý là mê, nhận chân lý là ngộ, thuận theo chân-lý là lành, trái với chân-lý là dữ v.v. Vậy chưa nhận chân-lý thì các điều phán-đoán thế nào cũng có phần chệch-lệch. Chân-lý ấy lại không có gì là huyền-bí, vì cũng tức là đạo lý Nhân-Quả, một đạo-lý rất thiết-thiết, rất dễ nhận thấy nơi sự vật hiện-tiền ; nhưng đến chỗ sâu xa cùng-tột thì chỉ những bậc giác-ngộ hoàn-toàn mới nhận rõ mà thôi.

Chúng ta từ hồi nào đến giờ vì không nhận biết đạo-lý nhân-quả, không học-tập kinh-nghiệm đạo-lý nhân-quả, nên không rõ được giá-trị thiết-thiết của đời sống mình, không biết các hành-vi hiện-tại có

liên-lạc gì với quá-khứ vị-lai, có ảnh-hưởng gì đến thân-tâm, đến vũ-tru, sống một đời mê-muội, đời thì ăn, khát thì uống, không chút tư-chủ, như con thuyền không lái không chèo trong biển sanh-tử mênh-mông; do đó tâm-niệm thường biến-thiên bởi kích-thích của hoàn-cảnh ; trái ý thì ghét, thì giận-hờn, ruộng bỏ ; vừa ý thì ưa, thì tham muốn tìm-lợi ; thân-tâm suốt đời làm tội-mọi cho vật-dục như-nhớp, dề-hèn, tạo ra xiết bao điều tội-lỗi. Một người sống như thế đã tai-hại lắm rồi, hưởng nữa là đại-đa-số, tai-nào chẳng gây nên nhiều thảm-trạng về hiện-tại và những khổn-khổ vô cùng khốc-liệt trong ba đường dữ về tương-lai. Sống như thế thì dù cái vui sướng tầm-thường hư-giả trong cõi Trời, cõi người cũng không thể trông mong, hưởng nữa là cõi an-vui thanh-tịnh vĩnh-viễn của quả giải-thoát.

Khổ, khổ thật, nhưng khổ như vậy nào phải tại ai gây dựng, tại ai hành-phạt, mà chính vì mình không rõ đâu là chân-lý để điều-khiển tâm-niệm hành vi cho thích-hợp mà thôi.

Phật thấy chúng ta khổ, nên từ-bi xuất-hiện giữa đời, chỉ dạy cho chúng ta đạo-lý nhân-quả để chúng ta tu-tập theo đặng thoát-ly khổ-não, tự-tại an-vui. Hiện nay chúng ta nhờ túc-nhân được thờ Phật làm thầy, được học đạo-lý nhân-quả, chúng ta nên gắng sức nghiên-cứu đạo-lý ấy cho tường-tận, để biết đường mà tu-tập, để khỏi bỏ lãng một đời và về sau mong được giải-thoát, khỏi phụ-lòng từ-bi cứu-độ của chư Phật.

Nhân-quả nghĩa là gì ? — Nhân, nghĩa là nguyên nhân ; quả, nghĩa là kết-quả. Muốn sự muốn vật đều có nguyên-nhân, có kết-quả, nên không ngoài đạo-lý nhân-quả.

Hiện thấy có hạt giống, có công trồng, có đất nước, có ánh sáng v.v... mới có cây, có trái, thì hạt giống, công trồng là nhân, cây trái là quả. Nhân-quả là lý-lánh hiện thật của muôn sự muôn vật. Các vị hiền-thánh tu học kinh-nghiệm, giác-ngộ được đạo-lý nhân-quả, nên biết sự quan-hệ của nhân-quả trong thập-phương tam-thế một cách rõ-ráo mà được giải-thoát. Chúng ta vì không chịu tu tập theo đạo lý ấy, nên mới có những hành-vi sai-lạc, có thể gây những quả khổ về sau. Nhưng dầu chúng ta có tin hay không tin, có hiểu hay không hiểu, có làm theo hay không làm theo, đạo-lý nhân-quả lúc nào cũng là hiển-nhiên và tất-nhiên, hề có nhân thì có quả, hề có quả thì có nhân, không hề sai-suyển ; ngắt vì sự sự vật vật ảnh-hưởng lẫn nhau, trước sau khác nhau, thuận nghịch trái nhau, nên cần phải kinh-nghiệm nhiều mới nhận thấy đạo-lý nhân quả trong-tận.

Xét cho kỹ thì ở giữa đời dầu làm việc gì cũng không ngoài đạo-lý nhân-quả, vì dầu làm việc gì chúng ta cũng phải xét đáng nguyên-nhân, tạo đủ nguyên-nhân, thì về sau mới chắc được kết-quả.

Nhân với quả quan-hệ với nhau rất mật-thiết, như hạt giống tốt, phân tro nhiều, khí-hậu thuận-hòa, thì được cây tốt trái nhiều ; trí thông-minh, học siêng-năng, gặp thầy giỏi, bạn tốt thì thành người thông-thái ; trồng cây cam thì mới có trái cam, học làm toán thì mới biết làm toán, nhân nào quả nấy, mảy mủm không sai. Về tánh-bản, nhân-quả lại càng rõ-rệt, như luyện-tập về nhân-bát thì tâm-linh trở nên hiền-lương, luyện-tập về hung-dữ thì tâm-linh trở thành độc-ác ; thương yêu giúp đỡ người thì người giúp-đỡ lại, đánh đập tổn-hại người thì người sẽ trả thù. Cho đến có tu giả-thoát rồi mới được giải-thoát.

Đạo-lý nhân-quả tuy hiển nhiên như vậy, nhưng vì ảnh-hưởng của sự vật đối với nhau rất phức-tạp, nên muốn thiết rõ đạo-lý nhân-quả, cần phải phân-tích các ảnh-hưởng đó cho tường-tận và chia các nhân ra mười loại gọi là thập-nhân, các quả ra bốn loại gọi là tứ-quả.

Thập-nhân là :

1) **Tùy thuyết-nhân.** — Tùy thuyết-nhân là theo lời nói phò mà thành sự vật. Xét cho kỹ thì sự vật toàn do tánh-cách đối-đãi mà thành, không có thật thể, chỉ vì danh-ngôn mà hóa ra có tướng này tướng khác mà thôi. Danh-ngôn do giả thuyết tạo thành, nên giả-thuyết là cái nhân chung cùng của muôn sự muôn vật.

2) **Quán-đãi-nhân.** — Quán-đãi-nhân là do quán sát các đối-đãi mà thành sự-vật : tâm đối với cảnh, ngộ đối với mê, dài đối với ngắn, cứng đối với mềm, tốt đối với xấu, hay đối với dở, cho đến nhân đối với quả, sự gì vật gì cũng đều do quán-sát đối-đãi mà thành-lập.

3) **Khiên-dẫn-nhân.** — Khiên dẫn-nhân là cái nhân dắt-dẫn, như có cây lúa sanh ra hạt lúa, có hạt lúa làm hạt giống rồi mới phát-sanh ra cây lúa mùa sau.

4) **Nhiếp-thọ-nhân.** — Một nhân không thể sanh ra quả, cần phải nhiếp-thọ nhiều ảnh-hưởng khác ; sự nhiếp-thọ đó cũng là nhân tạo thành ra quả ; như hạt giống có hấp-thọ đất nước mới sanh ra cây lúa.

5) **Sanh-khởi-nhân.** -- Sanh-khởi nghĩa là bắt đầu sanh ra, như hạt giống hấp-thọ đủ đất nước đã bắt đầu nứt mống.

6) **Dẫn-phát-nhân.** — Là cái nhân tiếp-tục dắt-dẫn cho đến kết-quả, như cái mống càng ngày càng

lớn thành cây mạ, thành cây lúa, rồi trở bông kết hạt.

7) **Định-dị-nhân.** — Định-dị nghĩa là quyết định riêng khác. Sự quyết-định riêng khác đó cũng là một nhân tạo thành sự vật. Lúa không phải bắp, cây không phải trái; lại duy hạt lúa mới tạo thành cây lúa, hạt bắp không tạo thành cây lúa được.

8) **Đồng-sự-nhân.** — Đồng-sự là đồng làm một việc; các nhân cần phải kết-hợp với nhau mới sanh ra quả.

9) **Tương-vi-nhân.** — Tương-vi là trái nhau. Ngoài các nhân thích-hợp chung cùng tạo thành ra quả, lại có các nhân không thích-hợp làm cho quả khó phát-triển, hay bị hư-hỏng; những nhân đó là tương-vi-nhân. Như vì đại-hạn mà cây lúa khô héo, thì đại-hạn là tương-vi-nhân tạo thành cây lúa khô héo.

10) **Bất-tương-vi-nhân.** — Bất-tương-vi-nhân nghĩa là không trái nhau. Như vì không bão lụt, không đại-hạn mà cây lúa được xanh tốt.

Tất cả sự vật thường đều có đủ mười nhân, mỗi nhân đều có ảnh-hưởng cho kết-quả.

Như cái bản ta hiện dùng đây, do nhân-duyên hòa-hiệp hư-giả không thật, chỉ là một danh-tương trong lối tổ bày quan-niệm của nghiệp người. Vậy thì biết cái bản có-tùy-thuyết-nhân.

Tánh-cách cái bản toàn là tánh-cách đối-đãi; do nhận-xét các tánh-cách đối-đãi ấy mới có cái hạn, đó là quán-đãi nhân.

Cái bản này là bản kiên-kiền, tất-nhiên phải do gỗ kiên-kiền và các nhân của gỗ kiên-kiền tạo ra đó là khiến-dẫn-nhân.

Khúc gỗ kiên-kiền chịu cưa, dẽo, bào, đục, rã,

ra từng miếng, rồi mới có thể ráp lại thành cái bàn, ấy là nhiếp-thọ-nhân.

Các miếng gỗ đương ráp lại thành bàn, ấy là sanh khởi nhân.

Cái công ráp lại cho thành một cái bàn hoàn-toàn, đó là dẫn phat-nhân.

Từ khi còn khúc gỗ kiên-kiền cho đến khi thành cái bàn, thay hình đổi dạng nhiều lần, nhưng hiện cái bàn vẫn là bàn gỗ kiên-kiền, không phải bàn mun, bàn trắc, phân biệt rạch-rời, nhân nao quả ấy, đó là định-dị-nhân.

Nhưng cái bàn mà thành cái bàn là nhờ sự hòa-hiệp của tất cả các nhân, nên nơi cái bàn, lúc nào cũng có thể nhận thấy ảnh-hưởng của các nhân đã tạo thành, như gỗ tốt bàn chắc, thợ khéo bàn đẹp v.v...đó là đồng-sự-nhân.

Cái bàn này hiện trên mặt có hơi nứt, là vì bị phơi nắng, làm cho cái bàn không được hoàn-toàn, đó là tương-vi nhân.

Nhưng hiện nay vẫn còn cái bàn, chưa đến nỗi hư-nại, là vì chưa bị rã ra từng mảnh, chưa bị đốt cháy thành than; cái « không phá-hoại » đó là bất-tương-vi-nhân.

Ở giữa đời, vì công-lực của nguyên-nhân có hạn, vì thế-lực của tương-vi-nhân chông-chất càng ngày càng nhiều, nên sự vật nào đều cũng vô-thường, không thể tồn-tại mãi mãi.

Từ quả là: Dị-thực-quả, đẳng-lưu-quả, sĩ dụng-quả và tăng-thượng-quả.

1) Dị-thực-quả. — Dị-thực có ba nghĩa là: dị-thời nhi thực, dị-loại nhi thực và biến-dị nhi thực.

Dị-thời nhi thực là thời-gian khác mà thành quả. Như

đi học từ lúc năm bảy tuổi mà đến 17,18 tuổi mới biết hành-văn.

Dị-loại nhi thực là loại khác mà thành quả. Như học các kinh truyện, bách-gia chú tử, nhưng đến khi hành-văn thì lại viết một bài khác theo ý-tưởng mình, không chép y trong kinh sách.

Biến-dị nhi thực là biến-đổi thành quả. Như trong các kinh sách đã học, mỗi nhà mỗi lối văn khác nhau, mà đến khi hành-văn thì lại theo chỗ sở-đắc, tạo riêng một lối văn khác, không theo lối văn nào trong kinh sách, đó là biến-dị nhi thực. Những cái quả như vậy thì gọi là dị-thực-quả.

2) **Đẳng-lưu-quả.** — Đẳng-lưu-quả là tạo nhân gì thì kết-quả ấy, như có học chữ « nhất » thì mới biết chữ « nhất », có học chữ « nhị » mới biết chữ « nhị ».

3) **Sĩ-dụng-quả.** — Sĩ-dụng-quả là cái quả do công dụng tạo-tác mà thành. Như viết ra chữ, như dùng thực học làm được các việc lợi ích cho đời.

4) **Tăng-thượng-quả.** — Tăng-thượng-quả là những quả gián-tiếp. Như nhờ hành-động của những người có thực-học mà nước nhà thanh-trị, thiên hạ thái-bình.

Phàm sự gì vật gì cũng đều có bốn quả. Ví dụ như sự niệm Phật: nhờ niệm Phật lần ngày được nhất-tâm bất-loạn, vãng-sanh Tịnh-độ về sau, đó là dị-thực-quả. Nhân thường niệm Phật nên hằng ngày nhớ Phật, tưởng Phật, đó là đẳng-lưu-quả. Nhờ sự niệm Phật mà đoạn các phiền-não, sanh các thiện-tâm, đó là sĩ-dụng-quả. Về sau vãng-sanh Tịnh-độ, nghe pháp tu-hành, lần lần chứng các quả-vị Bồ-tát, cho đến quả Phật đó là tăng-thượng-quả.

Ngoài bốn quả này ra, lại có một quả rất đặc-biệt riêng cho những vị đã được « dị-thực-không »

và tu với « pháp-giới-tánh ». Quả này gọi là lý-hệ quả ; quả suốt nguồn nhân, nhân trùm bề quả, nhân quả đồng thời, nhân-quả đồng nhất chân pháp-giới, đó là cái quả của các vị pháp-thâu Bồ-tai trong lúc tư hành thành Phật : không thể nói được và cũng không thể nghĩ đến được ; vậy chỉ nên nói bốn quả mà thôi.

Mười nhân bốn quả đó, sự nào vật nào vẫn có đủ. Do nhân-duyên tánh-cách không đồng, nên kết-quả rất là phức-tạp ; lại ảnh-hưởng các nhân khi giúp nhau, khi chống nhau, cái này mạnh, cái khác yếu không chừng, nên kết-quả cũng theo đó mà thay đổi. Như làm ruộng siêng năng, phân tro dư dă, mà bị đại-hạn hay bão lụt cũng phải mất mùa ; làm ruộng lơ-lửng mà gặp mưa thuận gió hòa thì cũng đủ ăn ; nhưng dầu sao, kết-quả của người làm ruộng siêng-năng, trong một trường-hợp giống nhau, vẫn hơn kết-quả của người ăn làm biếng-nhác.

Nghiên-cứu rõ lý nhân-quả như vậy thì biết hiện đời nay chúng ta hưởng-thọ đều gì cũng là bốn quả của các nhân đã tạo : có khi nhân quá-khứ tạo thành quả hiện-tại, có khi nhân quá-khứ tạo thành quả vị-lai, có khi nhân hiện-tại tạo thành quả hiện-tại, có khi nhân hiện-tại tạo thành quả vị-lai, nhưng hễ có nhân thì có quả, không hề sai chạy, chỉ vì các nhân khi hợp nhau, khi trái nhau, nên kết-quả cũng ít khi được thuận-lúy mà thôi.

Vậy những sự vui sự khổ hiện-tiền đều là quả-báo của các hành-vi lành hay dữ từ trước, lại các hành-vi lành hay dữ hiện-tiền sẽ làm nguyên nhân tạo thành quả-báo tương-lai. Quả-báo chưa thuận-thực thì chưa hiện, không hiện đời này thì hiện đời sau, chớ đã có nhân thì có quả, không khi nào mất hẳn.

Phật dạy : « Muốn biết nghiệp-nhân đời trước thế

nào thì cứ coi sự hưởng-thọ đời nay, muốn biết quả-báo đời sau thế nào thì cứ ngó các hành - vi trong đời này. » Nhiều người không rõ nghĩa ấy, than trách sao cả đời làm lành mà vẫn khổ - cực, làm người bạo-ác mà vẫn ăn sung mặc sướng, họ có biết đâu rằng những kẻ bạo-ác kia sung-sướng là vì họ đang hưởng quả-báo của các nhân lành đời trước, còn những người lương-thiện chịu khổ là vì đang chịu quả-báo của các nhân dữ quá-khứ.

Cũng như một người làm ruộng siêng-năng năm ngoài được nhiều hoa-lợi thì năm nay tuy biếng-nhác cũng vẫn đủ ăn; còn người làm ruộng biếng-nhác năm ngoài thì năm nay dù siêng-năng cũng phải chờ đến mùa mới có hoa-lợi. Tuy vậy cái quả hiện-tại cũng không phải là tuyệt-nhiên không có, vì người lương-thiện vẫn được người ta kính mến giúp-đỡ, mà người bạo-ác vẫn bị người ta khinh rẻ thù-hiền. Quả-báo đời trước có lúc hưởng thụ hết, khi đó kết-quả của nhân hiện-tại sẽ có dịp phát-triển một cách viên-mãn.

Nói cho đúng thì nhân nào cũng có quả. Các quả có khi giúp nhau mà thêm lên, có khi chống nhau mà phá-hoại lẫn nhau, nên luật nhân quả là một luật rất hoạt-động của vũ-trụ; và các nhân hiện-tiền vẫn có thể thay, đổi quả-báo của các nhân quá-khứ. Điều ấy là một điều rất quan-hệ: một niệm chi-thiện có thể chuyển được các quả xấu đời quá-khứ thành quả tốt; một người suốt đời bạo ác, khi lâm-chung biết chí-thành sám-hối, niệm Phật hồi-hướng, cũng có thể tiêu-diệt tất cả các nghiệp dữ. Vậy thì biết hiện-tại, dầu chúng ta đủ mọi tội lỗi, chúng ta cũng có thể chuyển-đổi nghiệp-báo khi đã phát-tâm tu-hành mạnh-mẽ, thiết-thiết sám-hối, và niệm Phật hồi-hướng vãng-sanh, chớ không nên vì các tội cũ

mà rụt-rè trong đường tu-tiến.

Tác-dụng của nhân-quả bao-trùm cả thập phương tam-thế, không sự gì vật gì ra ngoài nhân-quả.

Do nghiệp mà có thân, do thân mà có khổ có vui, do khổ vui mà sanh ưa ghét, do ưa ghét mà tạo nghiệp, rồi do nghiệp mà có thân, đó là vòng nhân quả của chúng sanh trong đường luân - hồi. Những việc thân làm, miệng nói, ý nghĩ đều gọi là nghiệp ; khi tạo tác thì gọi là nghiệp-nhân, cái quả của nghiệp-nhân tức là nghiệp-báo. Nghiệp có lành có dữ, nên quả-báo có vui có khổ khác nhau. Những nghiệp nâng cao đức-hạnh, có lợi cho người cho vật về hiện-tại và tương-lai là những nghiệp lành ; những nghiệp khuy-tồn đức-hạnh, có hại cho người cho vật về hiện-tại và tương-lai là những nghiệp dữ. Nghiệp dữ ước-lược có mười điều gọi là thập-ác : sát, đạo, dâm, vọng-ngôn, ý-ngữ, lưỡng-thiệt, ác-khẩu, tham, sân, si ; trái lại là nghiệp lành, cũng có mười điều gọi là thập-thiện : phóng-sanh, bố-thí, phạm-hạnh, chân-thực-ngữ, xứng lý-ngữ, nhu-hòa-ngữ, giải-tránh-ngữ, hành-xả, từ bi, chánh-giải (hoặc vô-tham, vô-sân, vô-si, hoặc bất-tịnh-quán, từ-bi-quán, nhân-duyên-quán).

Nghiệp dữ nặng lắm thì phải đọa địa-ngục, nặng vừa thì sanh vào nga-qui, nặng ít thì đầu-thai làm súc-sanh, mà chịu các quả-báo khổ.

Nghiệp lành ít hay lành vừa thì sinh trong loài người, hoặc trong loài quỷ-thần (loài A-tu-la), nghiệp lành nhiều thì sanh lên các cõi Trời.

Nếu trong lúc tu thập-thiện, chưa đoạn được vật-dục thì sanh lên sáu cõi Trời về dục-giới ; như đoạn được vật-dục, đặng phép tứ - thuyên thì lên Sắc-giới ; như được định tứ-không thì lên Vô-sắc-giới.

Nghiệp - báo, trong các đường, có hai phần là chánh-báo về căn-thân, và y-báo về cảnh-giới. Trong các cõi Trời Vô-sắc tuy không có sắc-thân, nhưng vẫn có thức-thân, nên cũng có chánh-báo.

Nghiệp-báo của mỗi chúng sanh thì gọi là biệt-nghiệp. Những chúng sanh nghiệp - báo đồng nhau, hưởng thụ một cảnh - giới tương - tự, như người với người, thì gọi là đồng-nghiệp. Nói một cảnh tương-tự, vì mỗi mỗi chúng sanh thiệt ra vẫn hưởng cảnh-giới riêng của mình, như người vui cảnh vui, người buồn cảnh buồn, mắt lơ thấy không rõ, mũi nghẹt không biết mùi, song vì đại-khái cảm-giác có giống nhau, nên gọi là đồng-nghiệp mà thôi.

Nhân quả của sáu đường đã nói trên kia gọi là thế-gian nhân quả. Thế-gian nhân quả thay đổi vô-thường : trong lúc chúng sanh chịu một quả-báo lại gây ra các nghiệp, tạo thành quả-báo tương-lai, nên chỉ ở cõi người biết tu-hành có thể sanh lên chư-thiên, ở cõi Trời không biết tu-hành, hưởng hết phước-báo thì lại phải sa-đọa. Chúng sanh trong sáu đường khi đi lên, khi đi xuống, theo nghiệp mà chịu báo, xảy vẫn mãi mãi không thôi, nên gọi là luân-hồi.

Muốn thoát khỏi vòng luân-hồi, cần phải tu-chứng xuất thế - gian nhân-quả. Luân - hồi là một trạng-thái tối-lắm, hoặc hiện gay ra khổ hoặc sẽ gây ra khổ, không có một điều gì đáng quyến-luyến ; Chúng ta cần phải tu-trị theo Phật-pháp, dứt trừ nguyên-nhân luân-hồi, thì mới đoạn-tuyệt được các mầm khổ-não.

Phép xuất - thế - gian có ba thừa là : Thanh-văn-thừa, Duyên-giác-thừa và Bồ-tát-thừa. Tu theo Thanh-văn-thừa thì lần chứng đến quả A-la-hán, tu theo Duyên-giác-thừa thì lần chứng đến quả Duyên - giác, tu theo bồ-tát-thừa thì lần chứng đến các quả Bồ-

tát và quả Phật.

Tướng-Quốc Bùi-Hun có nói : « Chư Thiên thì sợ quá, A-tu-la hay sâu-bận, Địa-ngục bị đau-khổ, nga-qui bị đói khát, súc-sanh thì lo sợ quá, nên đều khổ tu-hành, duy có loài người không khổ lắm, không sợ lắm, là có thể phát-tâm rộng lớn, tu-hành theo Phật-pháp, tự-lợi lợi-tha, cho đến quả Chánh-giác. Hiện chúng ta làm người, lại nghe được đạo - lý nhân-quả mà không gắng công tu-tập thì uổng biết chừng nào !

Thưa Quý Ngài, đạo-lý nhân-quả là lý-tánh hiện-thiệt của nhữc-sanh vũ-tru mà đức Phật đã giác-ngộ hoải-toàn và đã phương-liện khai-thị cho chúng ta trong rất nhiều kinh điển. Đạo-lý ấy không hề sai chày, chúng ta biết mà làm đúng theo thì lợi-ích vô cùng, không biết mà làm trái-ngược, thì tai-hại cũng không phải ít : trông mong Quý Ngài thương để tâm nghiên-cứu đạo-lý ấy nơi hiện-tâm hiện-cảnh cho rõ ràng, để phát-tin-tâm chắc-chắn và thiệc-hành theo, thì lo gì không được kết quả viên-mãn.

Thầy PHẠM-VĂN-QUANG

Học sinh Cao-dẳng trường Annam Phật-học Hội

TIN TRONG HỘI

LỄ THÀNH HÔN TRƯỚC PHẬT

(Tại tỉnh hội Phật-Học Ninh-thuận)

Ngày 8-11-1943 (11-10 năm Quý-mùi) ông, bà Phạm-văn-Vi, Chánh - hội - trưởng tỉnh hội Annam Phật-học Ninh-thuận, đã làm lễ thành hôn trước Phật cho ái nữ. là cô Phạm-thị Huệ, đẹp duyên cùng bạn Lê-văn-Phú, chánh quán Nha-trang, thư ký Thương mại.

Lễ này cử hành vào khoảng chín giờ sáng. tại hội quán Long Quan của tỉnh hội Phan-rang. Trong nghi-lễ. cử hành tuy giản-dị, nhưng rất nghiêm-trang và long-trọng; hơn nữa là có ý-ngĩa khuyến-giáo rất sâu xa. Có hai ngài Chứng - minh đạo sư tỉnh hội chứng hôn lễ. Và có hơn một trăm nam nữ hội - viên cùng các ông, các bà trong thành phố đến chứng lễ rất đông.

Dưới bóng từ bi quang minh vô lượng của Thích-Ca từ - phụ, những người đến chứng lễ đều thành tâm cầu chúc cho đôi bạn, cùng thâu nguyện ước trăm năm, và tương-lai sẽ gặp được nhiều hoa hạnh - phúc tươi sáng.

THIỆN NHƯỢNG

THU TÍN

Chúng tôi đã nhận được ngân-phiếu bưu-điện của quý ngài Độc-giả kê tên dưới đây :

M. M. Lý-chấn-Đức	Bến tre	10\$00
Đô-Cương	Phan-rang	2.00
Nguyễn-văn-Giỏi	Saigon	2.00
Hồ-trung-Lý	Hanoi	2.50
Chi hội Phật-học	Hoài-an	16.00
Tỉnh hội	Tourane	45.00
Nguyễn-văn-Tài	An-xuân Phan-rang	2.00

Bà Trần-minh-Nguyệt	Lào-kay	2.00
Nguyễn-thiện-Khoa	Phan-rang	2.00
Bữu-Tập	Djiring	1.50
Nguyễn-bữu-Dư	Tân-an (Nam kỳ)	5.00
Nguyễn-Nông	Paksé (Laos)	2.50
Lý-kim-Định	O-môu (Nam-kỳ)	3.00
Lê-Ban	Cửa tùng	2.00
Chi-hội	Lệ thủy	16.00
La-văn-Ngạo	Sa-dec	2.50
Vương-kim-Thoại	Kompong-Cham	2.00
Dương-thiện-Cần	Lai-châu	4.20
Chi-hội Phật-học	Tam-quan	32.00
Chi-hội Phật-học	Dran	28.00
Nguyễn-văn-Tuệ	Hải-dương	3.00
Nguyễn-thị-Chơi	Châu-đốc	2.00
Thanh-Mỹ	Tam-kỳ	6.50
Nguyễn-hóa-Nhứt	Châu-đốc	2.50
Nguyễn-văn-Lai	Thanh-hóa	5.00
Phan-thành-Xuớc		4.50
Trần-thiện-Hoa		2.00
Bùi-thị-Trị	Bến-tre	2.50
11 Thầy ở trường	Annam Phật-học Huế	22.00
Tôn-thất-Sâm	Đồng-hà	8.00
Nguyễn-văn-Cơ	Phan-thiết	2.50
Ngô-đình-Nhuận	Huế	2.50
Phan-văn-Đạt	Huế	2.50
Đậu-viết-Chúc	Ban-méthuôt	2.26
Nguyễn-văn-Ngô	Cần-thơ	5.00
Lý-xuân-Hóa		2.50
Phan-văn-Hoàng	Saigon	2.50
Tôn-thất-Hợp	Saigon	5.00

Chúng tôi xin có lời cảm ơn chư-quý độc-giả và sẽ xin tiếp tục gởi nguyệt-san